Đơn vị báo cáo: TRƯỜNG THCS PHƯỚC HIỆP

Biểu số 3

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý 3 Năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	B	1	2	3	4
A.	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I.	**Số thu phí, lệ phí**				
1.	**Phí**				
2.	**Lệ phí**				
II.	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**				
1.	**Phí**				
2.	**Lệ phí**				
III.	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1.	**Phí**				
2.	**Lệ phí**				
B.	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**11.320.642.880**	**2.613.474.857**	**23**	**130**
I.	**Nguồn ngân sách trong nước**	**11.320.642.880**	**2.613.474.857**	**23**	**130**
1.	**Chi quản lý hành chính**				
1.1.	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2.	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1.	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3.	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**11.320.642.880**	**2.613.474.857**	**23**	**130**
3.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.269.114.000	1.392.062.628	26	124
3.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.051.528.880	1.221.412.229	20	138
4.	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5.	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6.	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7.	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Được quét bằng CamScanner

8.	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9.	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10.	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11.	**Quốc phòng**				
11.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
11.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
12.	**An ninh và trật tự an toàn xã hội**				
12.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
12.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II.	**II. Nguồn viện trợ**				
III.	**III. Nguồn vay nợ nước ngoài**				

Ngày 04 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ và tên)	*(Ký, họ và tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
Võ Nguyễn Minh Nhựt	Võ Nguyễn Minh Nhựt	Cao Thị Ngọc Hân

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHƯỚC HIỆP

Được quét bằng CamScanner